

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 23-8-2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trí Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Nhậm

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đường Hạc Vương Dung – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 394/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1974.

**- Bị đơn:** Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ S, ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh T có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2019 và các lời khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau năm 1993, có tổ chức lễ cưới, năm 2006 anh, chị có đến Ủy ban nhân dân xã A, huyện T làm tờ khai đăng ký kết hôn nhưng không nộp lại, từ đó đến nay chị và anh T không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 11/2018

cho đến nay. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình nghĩa nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Lê Công T, sinh ngày 21/01/1995 và Lê Đức T, sinh ngày 10/02/2002. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu T đã thành niên và tự lập.

- Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 27/6/2019, các lời khai tại hồ sơ vụ án và tại tòa bị đơn anh Lê Ngọc T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H chung sống với nhau năm 1993, có tổ chức lễ cưới, năm 2006 anh và chị H có đến Ủy ban nhân dân xã A, huyện T làm tờ khai đăng ký kết hôn nhưng không nộp lại, từ đó đến nay anh, chị H không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên chị H xin ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Lê Công T, sinh ngày 21/01/1995 và Lê Đức T, sinh ngày 10/02/2002. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Cháu T đã thành niên và tự lập.

- Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:**

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét chị H, anh T chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn do vậy không được coi là hôn nhân hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh T, chị H là vợ chồng.

Về con chung: Anh Tuấn và chị Huyền có 02 con chung là cháu Lê Công T, sinh ngày 21/01/1995 và Lê Đức T, sinh ngày 10/02/2002. Cháu T đã thành niên và có khả năng lao động. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cháu T, anh T đồng ý. Đồng thời, cháu T có nguyện vọng sống với chị H nên đề nghị Hội đồng

xét xử xử giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng. Chị H nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ H, anh Lê Ngọc T chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Đồng thời, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T thể hiện anh T, chị H chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương. Việc các đương sự sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay mà không đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh T đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Lệ H và anh Lê Ngọc T là phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Chị H, anh T có 02 con chung là cháu Lê Công T, sinh ngày 21/01/1995 và Lê Đức T, sinh ngày 10/02/2002. Hiện cháu T đã thành niên và có khả năng lao động. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cháu T, anh T đồng ý. Đồng thời, cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ nên xử giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật. Chị H nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xét

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của chị Nguyễn Thị Lệ H đối với anh Lê Ngọc T.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Lệ H và anh Lê Ngọc T.

Về con chung: 01 con chung là cháu Lê Công T, sinh ngày 21/01/1995 đã thành niên và có khả năng lao động.

Giao 01 con chung là cháu Lê Đức T, sinh ngày 10/02/2002 cho chị Nguyễn Thị Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Lê Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Ngọc T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005085 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- CC THADS huyện Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trí Hoàng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Văn Nhậm – Nguyễn Thị Ngọc Đẹp**

**Nguyễn Trí Hoàng**

